

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn và con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lên;

2. Ông Phan Văn Truỵện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2024/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích P, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1973; địa chỉ: Số C, đường K, Khu phố C, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C – Phòng Giao dịch thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Văn K – Giám đốc; địa chỉ: Đường T, Khu phố C, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Bích P trình bày:

Bà Phạm Thị Bích P và ông Nguyễn Hồng V đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Long An ngày 27/02/2004. Đời sống chung vợ chồng thời gian

đầu rất hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai người không hợp nhau, vợ chồng hay lạnh nhạt, không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không được nên bà P yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà P và ông V có 03 con chung Nguyễn Văn K1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh năm 2004, Nguyễn Trường A, sinh năm 2008. Cháu K1 và cháu T đã thành niên, không bị dị tật, tự lo cho bản thân. Bà P yêu cầu được nuôi con chưa thành niên Nguyễn Trường A; không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Nguyễn Hồng V trình bày:

Ông V thừa nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn như bà P trình bày, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà P chơi hụi nợ nần nhiều người nên ông V bán đất để trả nợ nhiều lần dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà P yêu cầu ly hôn thì ông V đồng ý.

Về con chung: Bà P và ông V có 03 con chung Nguyễn Văn K1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh năm 2004, Nguyễn Trường A, sinh năm 2008. Cháu A có nguyện vọng sống với ai thì người đó trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P phải có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng cho Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã C mà bà P đã vay. Ông V chỉ là người ký nhận bảo lãnh nên ông V không biết về số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C – Phòng Giao dịch thị xã K có văn bản trình bày:

Hiện nay ông Nguyễn Hồng V và người có trách nhiệm liên quan là bà Phạm Thị Bích P còn nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội số tiền gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 29/8/2024 là 65.096 đồng. Đề nghị Tòa án xác định rõ trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng thuộc về ai. Người đại diện của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà P có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên toà, bà P vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông V thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với bà P; yêu cầu được nuôi cháu A; không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Ông K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường phát biểu như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã tuân thủ pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà P yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận. Bà P yêu cầu được nuôi con là không có căn cứ vì từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay thì cháu A do ông V nuôi dưỡng. Bà P không phải cấp dưỡng nuôi con do ông V không có yêu cầu.

Bà P và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và ông V thừa nhận có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội nhưng Ngân hàng không yêu cầu bà P và ông V trả nợ trong vụ án nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Bích P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng V. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà P yêu cầu ly hôn với ông V, yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên; không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Phạm Thị Bích P và ông Nguyễn Hồng V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M (nay là thị xã K), tỉnh Long An vào ngày 27/02/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P với ông V do đời sống chung của vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn về đời sống kinh tế; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 nên bà P cương quyết ly hôn nhưng ông V không đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P với ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì yêu cầu ly hôn của bà P là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà P và ông V có 03 con chung Nguyễn Văn K1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 và Nguyễn Trường A, sinh năm 2008. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được nuôi cháu A nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu A sống với ông V nên cần giao cháu A cho ông V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông V không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên bà P không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Bà P và ông V đều không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Ngân hàng C không yêu cầu bà P và ông V trả nợ trong vụ án nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà P phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[10] Như đã phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà P là có căn cứ chấp nhận về yêu cầu ly hôn, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung. Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn; không chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Phạm Thị Bích P đối với ông Nguyễn Hồng V.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Phạm Thị Bích P được ly hôn với ông Nguyễn Hồng V.

- *Về con chung:* Bà P và ông V có 03 con chung gồm: Nguyễn Văn K1, sinh năm 2001, Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 và Nguyễn Trường A, sinh ngày 27/7/2008, giới tính: Nữ. Sau khi ly hôn, ông V được quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trường A.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà P không phải cấp dưỡng nuôi cháu A sau khi ly hôn.

Khi có lý do chính đáng, việc cấp dưỡng có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Bích P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhân; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P nộp theo biên lai số 0003256 ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Truyen

Nguyễn Văn Lên

Nguyễn Văn Phương